

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 2316/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; trên cơ sở thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2020: Tổng số 12 công trình, dự án với quy mô diện tích 17,93 ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 5,52 ha; tổng nhu cầu vốn giải phóng mặt bằng là 58.771 triệu đồng (không bao gồm các dự án sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp), trong đó:

a) Bổ sung mới: 08 công trình, dự án với quy mô diện tích 11,36ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 5,47ha; tổng nhu cầu vốn giải phóng mặt bằng là 28.724 triệu đồng.

b) Đăng ký điều chỉnh: 04 công trình, dự án với quy mô diện tích 6,57ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 0,05ha; tổng nhu cầu vốn giải phóng mặt bằng là 30.047 triệu đồng.

(Đính kèm Biểu số 1)

2. Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác đã được thông qua tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh từ năm 2018 đến 2019 chuyển sang thực hiện trong năm 2020 (thuộc trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích đất trồng lúa theo điểm a khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai): Tổng số 09 công trình, dự án với quy mô diện tích 369,21ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 310,46ha; tổng nhu cầu vốn giải phóng mặt bằng là 1.136.806 triệu đồng (không bao gồm các dự án sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp) (Đính kèm Biểu số 2).

3. Bổ sung công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2020 không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai nhưng thuộc điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số có 05 công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 13,35 ha (Đính kèm Biểu số 3).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ: TN và MT, KH vàĐT, TC;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TN và MT, KH vàĐT, Tài chính, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng



Biểu số 1

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
(THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI)**

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)		Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó: Đất trồng lúa Đất rừng phòng hộ	Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 08 công trình	11,36	5,47	5,47	28.724,00					
I	Huyện Duyên Hải	4,91	0,70	0,70	13.800,00					
1	Trạm biến áp 220kV Duyên Hải và hướng tuyến đường dây đầu nối	4,03				Doanh nghiệp	Xã Ngũ Lạc	BQL dự án các công trình điện Miền Nam ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh	Công văn số 2640/UBND-CNXD ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh	
2	Trường THPT huyện Duyên Hải	0,88	0,70	0,70	13.800,00	Ngân sách tỉnh	Xã Ngũ Lạc	Sở Giáo dục - Đào tạo	Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 15/6/2018	
II	Huyện Cầu Kè	3,30	3,30	3,30	13.860,00					
1	Các tuyến đường nội ô thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	2,10	2,10	2,10	8.820,00	Ngân sách huyện	thị trấn Cầu Kè	UBND huyện Cầu Kè	QĐ số 2312/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	
2	Nâng cấp đường nhựa từ cầu Mặt Hân đến Hương lộ 32, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè	1,20	1,20	1,20	5.040,00	Ngân sách huyện	xã Tam Ngãi	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cầu Kè	Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của UBND huyện Cầu Kè	
III	Huyện Tiểu Cần	0,02			200,00					
1	Công viên môi trường thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	0,02			200,00	Ngân sách	Thị trấn Cầu Quan	Hội đồng BT, HT và TDC huyện	Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND huyện	
IV	Huyện Cầu Ngang	0,70	0,00	0,00	0,00					
1	Di dân khẩn cấp vùng sạt lở thị trấn Cầu Ngang và xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang (giai đoạn 2)	0,70				Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương	Thị trấn Cầu Ngang	BQL ĐTXD các công trình NN và PTNT	Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh	
V	Huyện Càng Long	0,29	0,29	0,29	864,00					

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Đường dẫn vào Dự án Kho lạnh thông minh tiêu chuẩn Châu Âu	0,29	0,29	0,29		864,00	Ngân sách	xã Bình Phú	UBND huyện Càng Long		
VI	Công trình liên huyện	2,14	1,18	1,18		0,00					
1	Đường dây 110kV Vũng Liêm - Trà Vinh 2. Trong đó: - Phần pha dây dẫn đường dây 110kV Vũng Liêm - Trà Vinh: Diện tích 0,62 ha đất, trong đó có 0,27 ha đất trồng lúa (địa điểm thuộc các huyện: Càng Long, Châu Thành, thành phố Trà Vinh). - Đường dây mạch 2 từ trạm 220kV Trà Vinh 2 - trạm 110kV Cầu Kè: Diện tích 1,38 ha đất, trong đó có 0,83 ha đất trồng lúa (địa điểm thuộc các huyện: Châu Thành, Tiểu Cần, Cầu Kè).	2,14	1,18	1,18			Doanh nghiệp	Huyện Càng Long Huyện Châu Thành Thành phố Trà Vinh	Doanh nghiệp	QĐ số 1940/QĐ-BCT ngày 19/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương Công văn số 3561/UBND-CNXD ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh	
B	Công trình, dự án đăng ký điều chỉnh: 04 công trình, dự án	6,57	0,05	0,05		30.047,00					
I	Huyện Tiểu Cần	0,02	0,00	0,00		600,00					
1	Mở rộng Quảng trường thị trấn Tiểu Cần	0,02				600,00	Ngân sách	Thị trấn Tiểu Cần	Hội đồng BT, HT và TDC huyện	Quyết định số 3367/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện	Đã có trong Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019: Điều chỉnh tên dự án từ "Mở rộng Quảng trường huyện Tiểu Cần" thành "Mở rộng Quảng trường thị trấn Tiểu Cần".
II	Thành phố Trà Vinh	1,10	0,00	0,00		15.000,00					
1	Đường giao thông và hệ thống thoát nước phường 2, phường 7, thành phố Trà Vinh	1,10				15.000,00	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 10 tỷ, còn lại ngân sách thành phố	Phường 2, 7	BQL các dự án ĐTXD TP	Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	Đã có trong Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019: Điều chỉnh diện tích và chủ đầu tư thực hiện dự án: - Diện tích từ " 0,40 ha đất trồng lúa" thành " diện tích 1,10 ha, không có đất trồng lúa". - Chủ đầu tư từ "UBND TP" thành "BQL các dự án ĐTXD TP". - Bổ sung địa điểm: thành Phường 2, phường 7.
III	Huyện Cầu Ngang	0,85	0,05	0,05		4.447,00					

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
I	Cải tạo, nâng cấp đường nối Hương lộ 20 - Hương lộ 12, huyện Cầu Ngang	0,85	0,05	0,05		4.447,00	Ngân sách	xã Long Sơn	Sở Giao thông Vận tải	Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh	Đã có trong Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019, nay xin điều chỉnh như sau: - Diện tích từ " 0,10 ha đất (không có đất trồng lúa" thành " diện tích 0,85 ha, trong đó có 0,05 ha đất trồng lúa". - Điều chỉnh nguồn vốn: từ 12,755 triệu đồng thành 4.447 triệu đồng. Lý do: Thực hiện theo Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh.
IV	Công trình liên huyện	4,60				10.000,00					
I	Đường tỉnh 915B, giai đoạn 2, tỉnh Trà Vinh	4,60				10.000,00	Ngân sách	huyện Châu Thành, huyện Cầu Ngang, thị xã Duyên Hải	Sở Giao thông Vận tải	Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh	Đã có trong Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019, nay xin điều chỉnh như sau: - Điều chỉnh tên dự án từ tên " Đường tỉnh 915B đoạn từ cầu Long Bình 3 đến xã Hiệp Thạnh (từ Km10+258 đến Km48+936,6)" thành " Đường tỉnh 915B, giai đoạn 2, tỉnh Trà Vinh". - Điều chỉnh nguồn vốn: từ 699,455 triệu đồng thành 653.405 triệu đồng. Lý do: Thực hiện theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh.
TỔNG CỘNG: 12 công trình, dự án		17,93	5,52	5,52		58.771,00					



Biểu số 2

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
(TRƯỜNG HỢP TRÌNH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHẤP THUẬN CHUYỂN MỤC ĐÍCH)**

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)		Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú	
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)					Nguồn vốn
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Dự án Khu đô thị Đông Ao Bà Om (giai đoạn 1: Xây dựng Hồ Điều Hòa; giai đoạn 2: thực hiện dự án Đông Ao Bà Om)	73,81	50,00	50,00		Ngân sách tỉnh Doanh nghiệp	Phường 7 phường 9	Doanh nghiệp	Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019	- Về tên dự án, quy mô dự án và hình thức thực hiện thủ tục đất đai (Nhà nước thu hồi đất hoặc nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) xác định lại khi có dự án đầu tư cụ thể - Trong tổng 73,81 ha đã có xác định Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019: Dự án XD Hồ Điều Hòa là 32,90 ha (trong đó 30 ha đất trồng lúa)	
2	Khu đô thị mới thành phố Trà Vinh (khu đối diện Bệnh viện đa khoa mới)	49,67	39,44	39,44		Ngân sách tỉnh Doanh nghiệp	Phường 7	Doanh nghiệp	Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019	Về tên dự án, quy mô dự án và hình thức thực hiện thủ tục đất đai (Nhà nước thu hồi đất hoặc nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) sẽ được xác định lại khi có dự án đầu tư cụ thể	
3	Cụm Công nghiệp Hòa Ân	50,00	39,82	39,82	125.000,00	Ngân sách	Xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè	UBND huyện	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018		
4	Kênh Nhà Thờ - Phú Thọ, Kênh 3/2	27,38	25,69	25,69	54.754,00	Ngân sách	Các huyện: Càng Long, Duyên Hải, Tiểu Cần, Trà Cú	UBND huyện	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018		
5	Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 54, huyện Tiểu Cần	34,65	28,00	28,00	480.000,00	Ngân sách	Xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần		Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019.		

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)		Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú	
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)					Nguồn vốn
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
6	Cụm công nghiệp Long Sơn	40,00	39,00	39,00		50.000,00	Ngân sách	Xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang	UBND huyện	Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019.	
7	Cụm công nghiệp Tân Ngai, huyện Châu Thành	21,12	20,60	20,60		51.252,00	Ngân sách tỉnh	Xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành	UBND huyện	Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Đã có trong Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018, nay xin điều chỉnh tên công trình từ tên "Cụm công nghiệp Tân Ngai, xã Lương Hòa A" thành "Cụm công nghiệp Tân Ngai, huyện Châu Thành" theo Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND tỉnh (thành lập cụm công nghiệp)
8	Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang	40,00	38,50	38,50		50.000,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Cầu Ngang	Nghị quyết 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019	Đã có trong Nghị quyết 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019, nay xin điều chỉnh tên công trình từ tên "Cụm công nghiệp xã Hiệp Mỹ Tây" thành "Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang" theo Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh (thành lập cụm công nghiệp)
9	Cụm công nghiệp Sa Bình, thành phố Trà Vinh	32,58	29,41	29,41		325.800,00	Ngân sách tỉnh	Xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	UBND thành phố	Nghị quyết 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019	
TỔNG CỘNG: 09 công trình, dự án		369,21	310,46	310,46		1.136.806,00					



Biểu số 3

**BỘ SƯNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
(KHÔNG THUỘC KHOẢN 3 ĐIỀU 62 NHƯNG THUỘC ĐIỂM b KHOẢN 1 ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI)**

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
I	Huyện Trà Cú	6,40	6,40							
1	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất	2,20	2,20			Doanh nghiệp	xã Tập Sơn	Doanh nghiệp		
2	Khu dân cư khóm 1, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	4,20	4,20			Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Thị trấn Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của UBND tỉnh	
II	Huyện Cầu Kè	0,03	0,03							
1	Cửa hàng xăng dầu Nam Sông Hậu số 3	0,03	0,03			Doanh nghiệp	Xã Thông Hòa	Doanh nghiệp		
III	Huyện Càng Long	6,92	6,92							
1	Nhà máy phân bón vi sinh Acela Biotek Việt Nam	5,92	5,92			Doanh nghiệp	Xã Bình Phú	Doanh nghiệp		
2	Dự án Kho lạnh thông minh tiêu chuẩn Châu Âu	1,00	1,00			Doanh nghiệp	Xã Bình Phú	Doanh nghiệp		
TỔNG CỘNG: 05 công trình, dự án		13,35	13,35							